



## **Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



## Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

### Thông tin về Tập đoàn

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 5 tháng 5 năm 1995. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 1 tháng 11 năm 2017.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Phạm Đức Thắng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Năm	Ủy viên
Ông Lê Văn Hường	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên
Ông Hitoshi Kato	Ủy viên
Ông Vũ Bá Phú	Ủy viên (đến ngày 27/11/2017)
Phạm Văn Thanh	Ủy viên (từ ngày 25/4/2017)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đức Thắng	Tổng Giám đốc (từ ngày 2/11/2017)
Ông Trần Văn Thịnh	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/11/2017)
Ông Phạm Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/11/2017)
Ông Nguyễn Quang Kiên	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/10/2017)
Ông Vương Thái Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Năm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Bá Phú	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 27/11/2017)
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2017)
Nguyễn Văn Sự	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2017)
Ông Đào Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/10/2017)

#### Trụ sở đăng ký

Số 1, Khâm Thiên, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The image shows a handwritten signature in blue ink over a red circular stamp. The stamp contains the text: "M.S.Đ. 0100107370 - T.C.P", "TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM", and "ĐÔNG ANH - TP. HÀ NỘI".

Phạm Đức Thắng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 61.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-103/HN



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>40.526.370.730.962</b>	<b>33.376.137.739.565</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>14.223.421.508.261</b>	<b>11.353.600.192.147</b>
Tiền	111		5.705.904.913.235	4.342.083.888.717
Các khoản tương đương tiền	112		8.517.516.595.026	7.011.516.303.430
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.505.007.709.502</b>	<b>2.653.613.962.495</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	6.021.246.000	79.115.638.400
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7(a)	(2.053.067.986)	(20.195.072.393)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	2.501.039.531.488	2.594.693.396.488
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.462.114.111.441</b>	<b>6.918.359.545.312</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	6.811.902.244.793	6.184.468.795.660
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		374.679.687.768	454.056.722.166
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	590.517.831.399	703.404.307.083
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(315.787.838.951)	(424.450.707.637)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		802.186.432	880.428.040
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>12.867.551.209.134</b>	<b>8.627.059.190.050</b>
Hàng tồn kho	141		12.890.760.772.088	8.643.776.356.784
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.209.562.954)	(16.717.166.734)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.468.276.192.624</b>	<b>3.823.504.849.561</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		217.282.436.389	270.755.270.527
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		305.744.694.520	277.155.321.710
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	17	2.910.198.024.758	2.156.306.559.062
Tài sản ngắn hạn khác	155		35.051.036.957	1.119.287.698.262

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>21.242.690.361.597</b>	<b>20.868.296.752.133</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>88.684.537.328</b>	<b>47.611.240.582</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		75.342.051.954	36.068.203.527
Phải thu dài hạn khác	216		40.103.033.030	50.457.255.082
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(26.760.547.656)	(38.914.218.027)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.270.763.892.934</b>	<b>15.646.073.853.005</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.325.714.869.802	13.751.375.772.196
Nguyên giá	222		29.308.854.603.054	28.224.171.557.650
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.983.139.733.252)	(14.472.795.785.454)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.945.049.023.132	1.894.698.080.809
Nguyên giá	228		2.488.000.589.322	2.372.949.231.584
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(542.951.566.190)	(478.251.150.775)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>165.266.207.789</b>	<b>256.182.851.727</b>
Nguyên giá	231		221.292.437.042	314.367.780.418
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(56.026.229.253)	(58.184.928.691)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>780.123.324.785</b>	<b>604.702.429.151</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.393.855.199	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	777.729.469.586	604.702.429.151
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.883.912.021.826</b>	<b>2.380.992.710.474</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	7(d)	2.677.987.826.627	2.028.073.452.777
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(e)	315.196.457.265	355.674.275.616
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(110.772.262.066)	(115.155.017.919)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	1.500.000.000	112.400.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.053.940.376.935</b>	<b>1.932.733.667.194</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.018.235.656.410	1.913.707.367.823
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		32.964.618.879	11.057.162.186
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		22.118.300	22.118.300
Tài sản dài hạn khác	268		2.717.983.346	7.947.018.885
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>61.769.061.092.559</b>	<b>54.244.434.491.698</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>38.385.075.927.607</b>	<b>31.043.829.442.660</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.757.792.050.085</b>	<b>27.941.980.070.519</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	15.270.928.443.422	11.522.669.163.818
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.891.527.721	526.600.619.415
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.730.337.723.799	2.096.667.226.664
Phải trả người lao động	314		922.143.296.413	1.053.483.580.467
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		268.697.389.078	185.383.858.808
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		13.064.987.675	75.041.994.171
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	243.367.242.706	373.542.415.375
Vay ngắn hạn	320	19(a)	13.745.080.780.307	7.038.009.632.280
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	44.890.213.714	2.968.182.984.991
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		278.309.850.371	271.420.528.510
Quỹ bình ổn giá xăng dầu	323	21	3.040.080.594.879	1.830.978.066.020
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.627.283.877.522</b>	<b>3.101.849.372.141</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.897.063.530	11.210.863.970
Chi phí phải trả dài hạn	333		908.435.872	290.467.540
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		14.478.816.904	9.144.815.444
Phải trả dài hạn khác	337		167.086.416.528	201.887.838.383
Vay dài hạn	338	19(b)	2.406.437.211.735	2.852.388.509.980
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.342.959.580	4.878.702.501
Dự phòng phải trả dài hạn	342		19.067.212.373	10.543.121.369
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.065.761.000	11.505.052.954

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>23.383.985.164.952</b>	<b>23.200.605.049.038</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>23.383.985.164.952</b>	<b>23.200.605.049.038</b>
Vốn cổ phần	411	23	12.938.780.810.000	12.938.780.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.938.780.810.000	12.938.780.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.246.997.553.623	3.003.630.250.509
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.132.410.233.797	990.113.907.720
Cổ phiếu quỹ	415	23	(1.350.648.460.000)	(1.550.648.460.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	22	(1.317.118.937.352)	(1.317.118.937.352)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		5.425.927.848	(73.836.949.005)
Quỹ đầu tư phát triển	418		951.687.189.578	743.691.793.605
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	25	1.333.225.579.172	80.994.720.997
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.578.569.554.201	5.162.212.103.107
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.110.299.944.068	5.162.212.103.107
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.468.269.610.133	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.864.655.714.085	3.222.785.809.457
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>61.769.061.092.559</b>	<b>54.244.434.491.698</b>

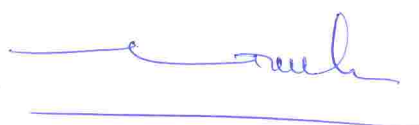
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đặng Hồng Liên  
Kế toán

Người duyệt:



Lưu Văn Tuyên  
Kế toán trưởng



Phạm Đức Thắng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>153.736.210.568.322</b>	<b>123.127.176.864.983</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>39.153.702.504</b>	<b>30.659.848.663</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>153.697.056.865.818</b>	<b>123.096.517.016.320</b>
<b>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11</b>	<b>4</b>	<b>141.400.532.111.654</b>	<b>108.891.432.070.956</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>12.296.524.754.164</b>	<b>14.205.084.945.364</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	791.143.396.401	879.878.586.647
Chi phí tài chính	22	28	790.644.542.111	844.097.800.840
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		570.685.109.732	551.519.187.171
Phần lãi trong các công ty liên doanh, liên kết	24	29	456.054.595.116	599.747.414.012
Chi phí bán hàng	25	30	7.320.736.564.998	7.701.328.853.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		817.994.151.452	1.016.549.078.091
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	<b>30</b>		<b>4.614.347.487.120</b>	<b>6.122.735.213.279</b>
Thu nhập khác	31		324.762.583.078	336.689.016.471
Chi phí khác	32		154.142.930.181	159.237.718.400
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>170.619.652.897</b>	<b>177.451.298.071</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.784.967.140.017</b>	<b>6.300.186.511.350</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>894.833.667.465</b>	<b>1.152.206.706.935</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>(21.529.227.908)</b>	<b>546.182.104</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>3.911.662.700.460</b>	<b>5.147.433.622.311</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		<b>3.911.662.700.460</b>	<b>5.147.433.622.311</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của Công ty mẹ	61		3.468.269.610.133	4.669.396.347.454
Cổ đông không kiểm soát	62		443.393.090.327	478.037.274.857
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.013	4.254

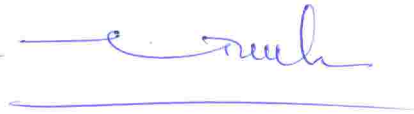
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đặng Hồng Liên  
Kế toán

Người duyệt:



Lưu Văn Tuyên  
Kế toán trưởng



Phạm Đức Thắng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(Phương pháp gián tiếp)

**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.784.967.140.017</b>	<b>6.300.186.511.350</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		2.270.612.080.495	2.051.896.891.805
Các khoản dự phòng	03		159.296.827.871	346.318.924.548
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.469.072.880)	53.001.251.108
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.004.973.777.952)	(1.062.714.229.417)
Chi phí lãi vay	06		598.685.461.893	551.519.187.171
Các khoản điều chỉnh khác	07		1.196.555.262.908	(551.581.632.368)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>7.998.673.922.352</b>	<b>7.688.626.904.197</b>
Biến động các khoản phải thu	09		1.320.871.822.290	(1.370.381.403.294)
Biến động hàng tồn kho	10		(4.246.984.415.304)	(921.553.149.234)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.415.655.866.905)	1.175.426.196.530
Biến động chi phí trả trước	12		115.316.915.176	14.812.871.971
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		73.094.392.400	(9.451.096.350)
			<b>3.845.316.770.009</b>	<b>6.577.480.323.820</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(573.420.957.022)	(554.449.689.474)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.118.582.308.573)	(996.433.419.940)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(376.357.477.508)	(355.332.943.620)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.776.956.026.906</b>	<b>4.671.264.270.786</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.982.894.528.958)	(3.196.021.764.726)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		51.452.367.096	17.267.819.957
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.293.169.981.996)	(803.959.056.409)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		990.328.871.530	491.447.041.099
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(157.898.398.040)	(12.422.595.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	149.368.225.254
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.110.351.521.356	1.204.998.730.199
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.281.830.149.012)</b>	<b>(2.149.321.599.626)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	4.060.747.688.565
Tiền thu từ chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	31		1.009.403.435.910	(497.098.935.736)
Tiền thu từ đi vay	33		68.116.310.955.538	60.003.690.853.987
Tiền trả nợ gốc vay	34		(61.722.389.111.374)	(65.849.135.660.051)
Tiền trả cổ tức	36		(3.978.082.311.460)	(149.962.178.105)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.425.242.968.614</b>	<b>(2.431.758.231.340)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.920.368.846.508	90.184.439.820
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		11.353.600.192.147	11.288.673.192.851
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(50.547.530.394)	(25.257.440.524)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	14.223.421.508.261	11.353.600.192.147

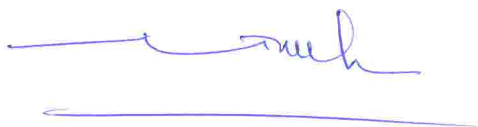
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đặng Hồng Liên  
Kế toán

Người duyệt:



Lưu Văn Tuyên  
Kế toán trưởng



Phạm Đức Thắng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*